

CÁCH ĐÁNH DẤU SỰ VẬT QUA ĐỊNH DANH TRONG TIẾNG VIỆT

Lê Đức Luận*

Title: *The way marking objects by calling name in the Vietnamese*

Từ khóa: *Cách đánh dấu sự vật; định danh; tiếng Việt*

Keywords: *Way mark the object; call name; Vietnamese*

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 16/9/2016

Ngày nhận kết quả bình duyệt: 25/10/2016

Ngày chấp nhận đăng bài: 31/10/2016

Tác giả:

* PGS.TS., Trường ĐH Sư phạm, ĐH Đà Nẵng

Email: leducluan3@gmail.com

TÓM TẮT

Đánh dấu sự vật là phương thức chủ đạo của định danh nhằm khu biệt sự vật này với sự vật khác dựa vào một dấu hiệu đặc trưng nổi trội của chúng. Đánh dấu sự vật theo các phương diện: Đánh dấu sự vật bằng phương diện ngữ âm và phương diện cấu tạo từ; đánh dấu sự vật bằng phương vị không gian; bằng chức năng và công dụng; bằng hình dáng cấu tạo; bằng vật liệu cấu tạo; bằng đặc điểm, trạng thái, tính chất; bằng đặc điểm hoạt động; bằng cách thức tạo ra và cách dùng chúng; bằng chủ nhân hay nơi tạo ra chúng. Địa danh cũng dùng phương thức gọi tên theo cấu tạo. Việc định danh sự vật thể hiện đặc trưng văn hóa dân tộc, mang phong cách khẩu ngữ và theo dấu hiệu tri nhận sự vật. Đây chính là bằng chứng về tính có lý do của tín hiệu ngôn ngữ.

ABSTRACT

Marking the object is the main method of naming to differentiate this thing with other things based on their dominant characteristic sign. People can mark the objects by some aspects such as: marking by the phonetic aspects and word creation ; marking by space azimuth of the object; by its functions and usages; by its shape, by its structure, by its material composition; by its characteristics; by its state and nature; by its operating characteristics; by how it was created and how to use it; by its owner or where it was created. Sites are also named by the methods of naming according to their texture. The object identifier indicates the cultural characteristics of ethnic groups, spoken language styles and the signs of cognizing things. This is the evidence of the reasonableness of language signals.

1. Đặt vấn đề

Định danh là cách gọi tên sự vật. Theo G.V. Côn-sansky: “Định danh là sự cố định cho một kí hiệu ngôn ngữ một khái niệm-biểu niệm phản ánh những đặc trưng nhất định của một biểu vật” (Nguyễn Đức Tồn, 2008, tr.164). Đánh dấu sự vật là phương thức chủ đạo của định danh. Đánh dấu sự vật là biện pháp nhằm khu biệt sự vật này với sự vật khác của thế giới khách quan. Định danh sự vật dựa vào một dấu hiệu đặc trưng nổi trội của sự vật để khu biệt với sự vật khác. Việc đánh dấu sự vật dựa vào một đặc điểm nào đó của chúng mà đặc điểm

đó phù thuộc vào văn hóa tộc người, vào cách quan niệm về thế giới của dân tộc đó.

Việc đánh dấu sự vật qua định danh trong tiếng Việt mang đặc trưng văn hóa dân tộc. Một trong những bộ phận ngôn ngữ thể hiện rõ tính có lý do của tín hiệu ngôn ngữ chính là bộ phận ngôn ngữ định danh. Đây là vấn đề đã được Nguyễn Đức Tồn trình bày trong chuyên luận của ông khá chi tiết (Nguyễn Đức Tồn, 2008). Một số tác giả khác cũng nghiên cứu tính có lý do qua việc định danh, đáng chú ý là các công trình nghiên cứu địa danh của Lê Trung Hoa, Lê Đức

Luận,... Tác giả Lê Trung Hoa trong các bài nghiên cứu về địa danh đã chỉ ra ý nghĩa tên gọi của chúng (Lê Trung Hoa, 2010).

Nghiên cứu về tính có lí do của tín hiệu ngôn ngữ thì (Nguyễn Đức Tồn, 2008) là tác giả có công trình công phu nhưng gọi tên phương thức đánh dấu sự vật thì chưa. Cho đến nay, vấn đề đánh dấu sự vật qua việc định danh vẫn chưa được nghiên cứu có tính hệ thống. Các bài viết chủ yếu nói về định danh nhưng chưa đi sâu nghiên cứu phương thức đánh dấu sự vật qua định danh trong tiếng Việt. Bài viết này tôi muốn chỉ ra phương thức đánh dấu qua việc hệ thống hóa các cơ sở của việc định danh sự vật.

2. Nội dung

2.1. Những phương diện và lí do định danh

2.1.1. Đánh dấu sự vật bằng phương diện ngữ âm

Đánh dấu sự vật bằng âm thanh. Bản chất của tín hiệu ngôn ngữ là định danh sự vật, hiện tượng và khái niệm bằng âm thanh. Một tiếng phát ra tương ứng một âm tiết gắn với gọi một sự vật, hiện tượng nào đấy do một bộ phận dân cư nào đó quy định. Bởi vì bản chất của ngôn ngữ là gọi tên sự vật bằng âm thanh nên ở mục này, tôi chỉ đề cập riêng về vấn đề mô phỏng âm thanh của sự vật để đặt tên cho sự vật đó. Đây là cách lấy tiếng kêu của sự vật để gọi sự vật đó. Con mèo: Nó kêu “meo meo”. Chim cu gáy: Nó “gáy cú cu”. Chim chích: Chim nhỏ, ăn sâu bọ, có tiếng kêu “chích chích”. Chim khách: Chim cỡ bằng sáo, lông đen, đuôi dài, kêu “khách khách”. Chim lợn: Cú có tiếng kêu “eng éc” như lợn. Chim cuốc nó kêu “quốc quốc”. Đây là phương thức hoán dụ, lấy tiếng kêu đặc trưng của con vật để gọi tên con vật đó.

“Bánh xèo” làm bằng bột gạo tẻ xay ướn, tráng mỏng trên chảo, khi đổ bột trên lớp mỡ trên chảo nghe tiếng “xèo” (Hoàng Phê (Chủ biên), 2005). Ở đây, người ta lấy âm

thanh đặc trưng phát ra khi đổ nước bột vào chảo để gọi tên bánh. Đây cũng dùng phương thức hoán dụ.

Địa danh cũng sử dụng phương diện ngữ âm. Theo Lê Trung Hoa, *Bầm Buông* là từ tượng thanh, mô phỏng tiếng trống, tiếng chuông, vì ở đây có những tảng đá lớn, khi gõ vào nghe như tiếng vang của trống, chuông. *Thậm Thịnh* là xã xưa ở gần đền Hùng, thuộc huyện Sơn Vi, phủ Lâm Thao, tỉnh Sơn Tây, sau thuộc xã Vân Phú, huyện Phù Ninh, từ 1977 thuộc thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. *Thậm Thịnh* là từ tượng thanh, tương truyền do dân già gạo làm bánh cho vua Hùng... (Lê Trung Hoa, 2010). Ở hai trường hợp này chỉ là sự miêu tả nghiêng về truyền thuyết, như một chỉ dấu nguyên do tên gọi chứ không theo phương thức hoán dụ.

2.1.2. Đánh dấu sự vật bằng phương diện cấu tạo từ

Cấu tạo từ là phương diện định danh phổ biến trong ngôn ngữ. Có hai phương thức cấu tạo từ: Phương thức chuyển âm và phương thức ghép. Phương thức chuyển âm là phương thức thay đổi vỏ ngữ âm của âm tiết để tạo nên từ mới. Cũng là loại xương bao lồng ngực nhưng đối với người thì gọi “xương hông”. “Xương hông” có từ đồng nghĩa là “xương sườn”. Còn đối với động vật như cá thì gọi là “xương hom”. “Hom” là biến thể ngữ âm của “hông”, tạo nên một âm tiết mới là cách gọi khác để phân biệt với xương người. Dạng biến thể định danh do một từ trong tổ hợp phát âm khác với từ nguyên như “nhà chòi” phát âm thành “nhà chồ” và nó được định hình thành một từ. Nhà chồ là nhà làm bên bờ sông, treo trên mặt nước, là một hình thức nhà chòi.

Phương thức ghép là thêm một số thành tố để chúng phân biệt nhau. Các yếu tố kết hợp với nhau đẳng lập hay chính phụ. Sự kết hợp giữa một yếu tố cùng loại với yếu tố khác loại, giữa yếu tố chính và yếu tố khu biệt: Nhà + yếu tố khu biệt: *Nhà thuyền, nhà bè, nhà đất, nhà tranh, nhà ngói, nhà xây, nhà tầng, nhà trệt, nhà sàn*,... “Nhà” là điểm chung chỉ nơi trú ngụ

nhưng có nhiều kiểu dạng nhờ có yếu tố phụ đánh dấu đối tượng. Sự khác biệt khách quan nhờ sự đánh dấu đối tượng ở yếu tố phụ (Nguyễn Đức Tồn, 2008, tr.195). Tuy nhiên, đối với từ ghép đẳng lập không phải bao giờ giữa chúng cũng có chỉ số chung mà tùy theo cấu tạo của chúng. Chẳng hạn, các từ *đất nước*, *đất đai* thì các yếu tố “nước”, “đai” không phải là yếu tố quyết định sự khác biệt. “Đai” (nguồn gốc Khmer chỉ đất) trong “đất đai” cũng mang nghĩa đất để chỉ đất nói chung. Còn “nước” trong “đất nước” không chỉ nước cụ thể và “đất” trong tổ hợp này cũng vậy mà giữa chúng khi kết hợp với nhau đã mất nghĩa biểu vật của nó để chỉ nghĩa biểu trưng khái niệm quốc gia, lãnh thổ.

Như vậy, việc đánh dấu đối tượng chủ yếu ở từ ghép chính phụ mà yếu tố phụ thường đứng sau để nêu sự khác biệt giữa các sự vật cùng có điểm chung.

2.1.3. Đánh dấu sự vật bằng phương vị không gian

Đánh dấu bằng phương vị là cách gọi tên sự vật theo vị trí, phương hướng của chúng trong không gian. Gọi *Xương hông*, *xương sườn* là nhìn đối tượng theo vị trí: Xương nằm bên hông, bên sườn của người. Nhưng “sườn” cũng có thể gọi theo cấu tạo, nó là xương khung của lồng ngực. Sườn nhà nghĩa là khung nhà. Đối với người Việt, sản phẩm tạo ra từ thân cây, phía trên mặt đất gọi là “quả, trái”; dưới mặt đất gọi là “củ”. Trong các từ sau đây, người Việt định danh sự vật căn cứ vào phương vị chứ không căn cứ vào cấu tạo sinh học của chúng. Người Việt quy vào các phần nằm dưới đất, phình to, chứa bột là củ nên không gọi “thân su hào” vì nó là thân ngầm mà gọi “củ su hào”, “củ chuối” thay vì “thân chuối” (Nguyễn Đức Tồn, 2008, tr.167). Các từ “trái, quả” thì khó phân biệt, người ta có thể gọi trái bưởi, quả bưởi; trái cam, quả cam. Tuy nhiên, phần lớn trái thường dài hơn và quả thường tròn hơn. Người ta nói trái bắp chứ không nói quả bắp.

2.1.4. Đánh dấu sự vật bằng chức năng, công dụng của chúng

Chức năng, công dụng của sự vật là một yếu tố định danh. Cùng là xe có động cơ máy nhưng “xe tải, xe khách” lại lấy công dụng của nó mà định danh, còn “xe máy” mà người Việt thường gọi cho xe hai bánh lại đối lập với “xe đạp” cùng kiểu xe hai bánh có động cơ và không có động cơ. Xe đạp dùng chân người đạp để phân biệt với xe kéo dùng lực kéo bằng tay. Cùng là xe hai bánh nhưng phân biệt xe có thêm phần máy chạy bằng sạc điện thì gọi “xe đạp điện”. Từ này mới xuất hiện khi xe đạp có lắp thêm động cơ điện có thể vừa đạp bằng chân vừa có thể chạy như xe máy. Khoa học kỹ thuật càng phát triển thì các từ loại này càng gia tăng. Cùng là xe động cơ có cấu tạo từ bốn bánh đến sáu bánh nhưng xe chở hàng hóa gọi là xe tải còn xe chở người gọi là xe khách. Cùng là bánh đa nhưng “bánh đa nem” là bánh đa tráng rất mỏng dùng để cuốn nem. Cùng là bánh làm từ bột gạo tẻ nhưng bánh cắt thành sợi để làm phở thì gọi là “bánh phở” còn bánh tráng mỏng thì gọi là “bánh cuốn”, miền Trung gọi là “bánh ướt” để phân biệt với bánh cũng tráng nhưng nướng trên than hoặc phơi nắng cho khô. Loại cải thường nấu canh thì gọi là “cải canh”: Cải lá to, mềm, màu xanh tươi, thường dùng để nấu canh (Hoàng Phê (Chủ biên), 2005).

2.1.5. Đánh dấu sự vật bằng hình dáng cấu tạo

Hình dáng cấu tạo của sự vật là yếu tố phân biệt sự vật này với sự vật khác. Xét về phương diện mặt phẳng không gian thì “bàn”, ngay tên gọi của nó đã bao hàm nghĩa “bằng” bởi cấu tạo mặt bàn bao giờ cũng phẳng. Tính chất bằng có trong “đồng bằng”: Ruộng bằng phẳng. Trái ngược là ghế = gỗ ghề, có điểm tựa, không phải tất cả đều bằng phẳng như bàn. Bằng chứng rõ ràng là “ghề” từ “ghế” mà thành. Dù ghế cũng có mặt bằng nhưng không phải là tính chất chủ đạo (Lê Đức Luận, 2012, tr.39-47). Dựa vào đặc điểm kích cỡ cơ thể để đánh dấu đối tượng. Cùng loài tôm nhưng tôm to gọi là *tôm hùm*. Cùng là loài cá nhưng cá có kích thước lớn gọi là *cá voi*. Cùng loài đĩa nhưng đĩa to, đen gọi là *đĩa trâu* để phân

biệt với đĩa nhỏ gọi là đĩa mém. Cùng loài ong nhưng ong nhỏ thì gọi *ong ruồi*... (Nguyễn Đức Tồn, 2008, tr.236). Cùng một sự vật nhưng hình thức cấu tạo khác nhau nên có những cách đánh dấu đối tượng tương ứng. Chẳng hạn, cùng là mắt nhưng có mắt *bờ câu*, *mắt lươn*, *mắt lá rằm*, *mắt phượng*,... Dựa vào hình dáng sự vật. *Bánh bèo*: Hình giống cánh bèo. *Bánh bò*: Khi hấp bột nở bò lên miệng chén thành hình ba cái tai. *Bánh đa*: Làm bằng bột gạo tẻ xay ướt tráng thành tấm mỏng tròn như chiếc lá đa. *Bánh gối*: Bánh mì hình khối chữ nhật, trông giống như cái gối. *Cải cúc*: Cây thân nhỏ trông giống như cây cải, lá giống lá cúc. *Đường bát* (ở Quảng Nam) là mật mía đổ vào cái bát nên gọi như vậy để phân biệt với đường cát nhỏ mịn như cát. "*Xương chấu*": Hình dáng to bè như cái chấu; "*xương đòn*": Hình dáng thẳng như cái đòn (Hoàng Phê (Chủ biên), 2005).

Tên địa danh cũng dùng phương thức gọi tên theo cấu tạo. Theo Lê Trung Hoa, *Sư Tử* là đảo nhỏ trong vịnh Bái Tử Long, tỉnh Quảng Ninh. Gọi "*Sư Tử*" vì dáng núi giống con sư tử. *Ba Trái Đào* là bãi tắm trong vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Vì ở đây có ba bãi cát hình cánh cung ôm chân hòn đảo nhỏ, đảo này có ba đỉnh, nhìn từ xa giống như ba quả đào tiên... (Lê Trung Hoa, 2010). *Sông Vững Gù*, *Kinh Vững Gù*: Dáng cong như gù; *Cù Lao Rồng* (tỉnh Định Tường): Dáng hình con rồng; *Cù Lao Dài*: Dáng dài (tỉnh Vĩnh Long) (Lê Đức Luận, 2015, tr.3-15).

2.1.6. Đánh dấu sự vật bằng vật liệu cấu tạo

Vật liệu cấu tạo sự vật là yếu tố đánh dấu sự vật. Người ta gọi tên sự vật bằng chính vật liệu cấu tạo ra nó để phân biệt với các sự vật khác cùng cấu tạo hoặc chức năng. *Bánh khoai* là loại bánh làm bằng bột khoai lang hoặc khoai sọ thái mỏng trộn với bột gạo tẻ. "*Bánh mật*" là loại bánh làm bằng bột gạo nếp trộn với mật. "*Bánh mì*" là loại bánh làm bằng bột mì phân biệt với các loại bánh làm bằng bột gạo. "*Bánh nếp*" là loại

bánh làm bằng bột gạo nếp, nhân đậu xanh và mỡ hoặc nhân thịt để phân biệt với các loại bánh làm bằng bột gạo tẻ. *Bánh đậu xanh* là loại bánh làm bằng đậu xanh. "*Bánh cốm*" là loại bánh làm bằng cốm dẻo (Hoàng Phê (Chủ biên), 2005).

Đối với vật dụng, người Việt cũng phân biệt theo chỉ dấu này: Nhà rường, nhà tranh, nhà ngói; bàn gỗ, bàn sắt, bàn nhựa,...

2.1.7. Đánh dấu sự vật bằng đặc điểm, trạng thái, tính chất

Dựa vào trạng thái đặc trưng sự vật: Sự vật có tính chất trung tính thì phải phân biệt các loại của nó bằng những tính chất đặc trưng. Chẳng hạn như "nước" là chất trung tính nhưng có nhiều loại nước khác nhau bởi trạng thái và tính chất của nó: *Nước lạnh*, *nước nguội*, *nước lã*, *nước sôi*, *nước đá*, *nước cam*, *nước khoáng*, *nước ngọt*, *nước chè*, *nước suối*, *nước giếng*, *nước canh*...

Dựa vào màu sắc sự vật như: *Cá hồng*, *rắn lục*, *mè tam thể*, *ong vàng*, *ruồi xanh*, *chuột bạch*, *kiến lửa*,... *Cá bạc*: Cá nước ngọt cùng họ với cá chép, thân đẹp, màu trắng nhạt như bạc. Phân biệt bằng màu sắc do tên gọi cùng âm: "*Cá mè*" phân biệt với *cá mè hoa*, *cá mè trắng*; "*cá trắm*" phân biệt với *cá trắm đen*, *cá trắm trắng*. *Cúc trắng*: Bạch cúc, cúc có hoa nhỏ, màu trắng; *cúc vàng*: Cúc hoa, cúc có hoa màu vàng (Nguyễn Đức Tồn, 2008).

Địa danh cũng sử dụng cách đánh dấu bằng màu sắc. Theo Lê Trung Hoa, *Bạc* là ba thác ở các tỉnh Lào Cai, Vĩnh Phúc và Thừa Thiên - Huế. Bạc vì thác đổ từ trên cao hàng trăm mét xuống, trắng xóa như màu của bạc nên được gọi như thế. *Mun* là hòn (đảo) ở ngoài khơi biển TP. Nha Trang. Cũng gọi là hòn Yến (chim én). Mun vì đảo có nhiều vách đá dựng đứng màu đen tuyền (Lê Trung Hoa, 2010).

Dựa vào mùi vị như: *Cây hương*, *hương xạ*, *chồn hương*. *Cỏ mật*: Cỏ cao, lá khô có mùi thơm như mật,... Dựa vào tính chất có thuần

hóa hay không: *Vịt trời, ngỗng trời, lợn rừng, trâu rừng, mèo hoang, chó sói...* (Hoàng Phê (Chủ biên), 2005).

Dựa vào giống đực hay cái như: Gà mái, gà trống, lợn sề, trâu nái, trâu đực,... (Nguyễn Đức Tồn, 2008, tr.237). Tiếng địa phương Quảng Nam có cách nói rất riêng, tất cả các con vật đều gọi là “bà”, nghiêng về giống cái nhưng khi phân biệt giống thì nói: Bà gà trống, bà heo đực.

2.1.8. Đánh dấu sự vật bằng đặc điểm hoạt động

Dựa vào trạng thái hoạt động của vật để định danh sự vật. Cùng là loại sau nhưng phân biệt bằng trạng thái hoạt động của chúng: *Sâu đò, sâu đục thân, sâu cuốn lá, dế nhũi...* Cùng là cá nhưng “cá chuồn” là loài cá biển có vây ngực phát triển, có thể bay lên được trên mặt nước như chuồn chuồn. Cá loi thoi là cá nước lợ, thường thấy nhảy trên mặt bùn ở các bãi sù vẹt, cỡ bằng ngón tay thường nhảy loi thoi. Chim sâu là loài chim chim nhỏ, lông xanh xám, sống ở bụi cây, chuyên ăn sâu bọ nhỏ (Hoàng Phê (Chủ biên), 2005). Cùng loài chồn nhưng phân biệt loài không bay với loại bay được nên gọi là “chồn bay”. Cùng là loại máy chạy bằng động cơ nhưng “máy nổ” chỉ gọi chúng tạo ra tiếng nổ theo phương thức ngữ âm là “nổ” còn “máy bay” lại dùng phương thức ẩn dụ để gọi chúng có cùng phương thức bay như chim.

2.1.9. Đánh dấu sự vật bằng cách thức tạo ra và cách dùng chúng

Cách thức tạo ra sự vật cũng là phương thức định danh chúng. Bánh bông là loại bánh làm từ gạo nếp rang thành bông. Bánh cuốn là loại bánh làm bằng gạo tẻ xay ướn, tráng mỏng, hấp chín rồi cuộn (cuốn) lại. Bánh tráng là loại bánh làm bằng bột gạo tẻ xay ướn tráng thành tấm mỏng. Bánh nướng là loại bánh có nhân thập cẩm, mặn hoặc ngọt, ở ngoài có bao lớp áo bột mỏng, nướng chín trong lò (Hoàng Phê (Chủ biên), 2005). Cùng từ bột mì nhưng tùy theo phương thức tạo ra chúng mà gọi là “mì

sợi” vì kéo nó thành sợi, “mì gối” vì nó làm giống như cái gối, “mì ốp la” lại gọi món ăn gồm bánh mì ăn với trứng ốp la. “Bánh in” do in bột vào khuôn thành bánh, có hình dáng như khuôn tạo ra nó. Như vậy, hình dáng cấu tạo của sự vật có thể bắt nguồn từ phương thức tạo ra chúng. “Bánh chưng” do cách nấu bánh bằng chưng trong nước. Ở vùng miền Trung, bánh chưng, bánh tày đều gọi chung là “Bánh Tét” là gọi cách thức ăn hai loại bánh này là lấy dây lạt buộc tét ra từng lát để ăn. Cách dùng chúng có thể gắn với thời gian. “Bánh Tét”, người Nam Bộ gọi là Bánh Tết, có thể là phát âm chệch âm “tét” thành “Tết” nhưng cũng có thể bánh này chỉ dùng phổ biến trong dịp lễ tết nên gọi Bánh Tết (Lê Đức Luận, 2013, tr.84-87).

2.1.10. Đánh dấu sự vật bằng chủ nhân hay nơi tạo ra chúng

Gọi sự vật theo người làm ra chúng, trường hợp này điển hình là tên gọi kẹo Cu Đơ ở Hà Tĩnh. Cu Đơ vốn là Cu Hai, tên đứa con trai của người làm bánh nhưng người Pháp không gọi “hai” mà gọi “đơ”, tiếng Pháp là hai. “Bánh Khô mè Bà Liễu” ở Đà Nẵng là gọi bánh do bà Liễu ở Hòa Thọ, Đà Nẵng sáng tạo ra. Tên món ăn cũng gắn với tên địa phương như mì Quảng, bún Huế, phở Hà Nội, nem Thanh Hóa, nước mắm Nam Ô, nước mắm Phú Quốc, bánh Cáy Thái Bình, bánh Đậu xanh Hải Dương, cá bống Sông Trà (Quảng Ngãi)... Các loại trái cây cũng gọi theo địa phương để ghi nhận đặc sản như: Cam Xã Đoài, xoài Bình Định, nhãn Hưng Yên, bưởi Phúc Trạch, bưởi Đoan Hùng (Phú Thọ), chè Thái Nguyên, Vú sữa Lò Rèn (vì chúng trồng nơi trước đây có lò rèn), thuốc lá Cẩm Lệ (Đà Nẵng), gà Đông Tảo, gà Đèo Le (Quế Sơn, Quảng Nam), bê thui Cầu Mống (Quảng Nam)...

Nơi tạo ra các vật dụng, món ăn còn chỉ xuất xứ của những thứ đó như: Thuốc Tây, gà Tây, hành Tây, quần Tây, nhà Tây, khoai Tây để phân biệt với thuốc Nam (thuốc ta), gà ta (gà cỏ), quần ta, nhà ta (nhà trệt),

khoai ta (khoai lang), cá rô Phi (gốc châu Phi), táo Tàu...

2.2. Đặc trưng cơ bản của việc định danh

2.2.1. Việc định danh sự vật thể hiện đặc trưng văn hóa dân tộc

GV. Cônsansky cho rằng “Cùng một đối tượng có thể được gọi tên trong các ngôn ngữ theo cách khác nhau phụ thuộc vào kiểu đối lập nào về tâm lý, lịch sử, dân tộc và xã hội đã làm cơ sở cho định danh”. Cùng một sự vật nhưng cách nhìn sự vật theo công dụng khác nhau dẫn đến tên gọi khác nhau. Cùng loại giấy bồi tường để thay cho quét vôi và sơn, tiếng Pháp gọi là “papier peint” còn tiếng Anh thì gọi “wall paper”. “Paper, papier” là giấy, một tên gọi đồng nghĩa nhưng giữa chúng sự biến thể ngữ âm. Tuy nhiên hai từ “peint” và “wall” thì lại phản ánh cách nhìn sự vật theo công dụng khác nhau. Người Pháp nhấn mạnh đến công dụng trang trí của nó nên dùng “peint” còn người Anh nhấn mạnh đến công dụng dán tường nên dùng “wall” (Nguyễn Đức Tồn, 2008, tr. 197).

Dấu hiệu tri nhận sự vật cũng mang đặc trưng văn hóa dân tộc. Đặc trưng văn hóa nghề nghiệp, các sản phẩm từ nghề nghiệp ảnh hưởng đến tri nhận hiện thực khách quan. Cùng là thức ăn có nước, người Việt gọi là canh, cháo, phở, bún nhưng người Anh gọi là soup, porridge, noodles, rice noodles. Vì người phương Tây không có các món ăn từ lúa gạo mà chỉ là các món ăn từ lúa mì nên họ gọi “phở” là mì sợi (noodles), còn bún thì thêm từ “rice” ghép với “noodles”. Sự vật khách quan nghèo nàn thì sự phản ánh trong ngôn ngữ cũng nghèo nàn. Người Anh chỉ có từ “rice” chỉ cả gạo lẫn cơm còn người Việt rất phong phú nhưng các từ chỉ lúa mì và sản

phẩm lúa mì lại phong phú trong tiếng Anh mà trong tiếng Việt thì nghèo nàn.

2.2.2. Việc định danh mang phong cách phương ngữ

Trong cùng một ngôn ngữ, yếu tố văn hóa các vùng khác nhau cũng có sự định danh khác nhau. Trong hàng loạt các dấu hiệu chức năng của sự vật, tùy theo cách nhìn nhận mà mỗi ngôn ngữ chọn đặc trưng này chứ không chọn đặc trưng kia. Chẳng hạn trong các từ “áo rét”, “áo ấm”, “áo lạnh” rõ ràng là chúng chỉ một loại áo mà thôi nhưng có ba cách gọi của ba vùng phương ngữ. Phương ngữ Bắc gọi “áo rét” là gọi cho chức năng chống rét, phương ngữ Trung gọi “áo ấm” là gọi theo chức năng mặc cho ấm vào mùa đông còn phương ngữ Nam gọi “áo lạnh” như phương ngữ Bắc nhưng “rét” được gọi là “lạnh”. Cùng loại xe máy chở người nhưng ở miền Bắc gọi xe thồ, miền Trung và miền Nam gọi xe ôm. Gọi là xe ôm bởi người ngồi sau phải ôm xe hoặc ôm người để khỏi bị ngã. Xe thồ ở miền Bắc còn có cả chở đồ đạc còn ở miền Trung chức năng chở đồ là thứ yếu vì chở đồ có xe ba gác.

2.2.3. Việc định danh theo dấu hiệu tri nhận sự vật

Cùng một loại sự vật nhưng cách đánh dấu đối tượng là không như nhau dựa vào dấu hiệu nổi trội của sự vật. Ví như loài chim nhưng có loại đánh dấu bằng âm thanh như: *Cuốc, cu, chích, quạ*; trái lại có loại đánh dấu bằng cách thức ăn mồi: *Chim sâu*. Cùng một loại bánh nhưng gọi là *bánh đa* khi dựa vào hình dáng nó như lá đa, còn gọi là *bánh tráng* để chỉ phương thức làm ra nó là tráng trên nồi nước sôi... Cùng loại bánh tét nhưng miền Bắc gọi “bánh tày” do nó tày bằng hai đầu, cũng có thể nó như cái chày (chày>tày) nhưng người dân ở Quảng Bình lại gọi “bánh đòn” do thấy nó tròn dài như cái đòn (loại ghế bằng khúc cây tròn hay như chiếc đòn gánh) (Lê Đức Luận, 2013, tr.84-87).

Cùng một loại gà trống nhưng miền Bắc và miền Trung gọi gà đá còn miền Nam gọi gà chọi.

Miền Nam, đá cũng gọi là chọi và hướng vào cách chúng dùng mổ mổ nhau còn miền Trung và Bắc lại hướng vào cách chúng dùng chân đá.

3. Kết luận

Đánh dấu sự vật trong định danh là cách đặt tên sự vật, hiện tượng dựa vào những dấu hiệu đặc trưng của chúng. Khi sự vật cùng loài, cùng vật liệu, cùng cấu tạo thì tiếng Việt đánh dấu để phân biệt chúng. Dấu hiệu đặc trưng ấy tương ứng với một tín hiệu ngôn ngữ do một vỏ âm thanh chứa đựng. Vỏ âm thanh của mỗi ngôn ngữ là khác nhau do thói quen sử dụng tiếng nói của mỗi dân tộc. Mỗi sự vật có thể gọi bằng những tên khác nhau, nghĩa là bằng các tín hiệu ngôn ngữ khác nhau do sự tri nhận dấu hiệu đặc trưng khác nhau. Đây là phương thức tạo từ chủ đạo.

Mỗi ngôn ngữ đều có cách đánh dấu sự vật riêng tùy thuộc vào đặc điểm văn hóa dân tộc.

Đây chính là bằng chứng về tính có lí do của tín hiệu ngôn ngữ. Người ta có thể nói rằng cùng một sự vật như nhau, tại sao người Việt gọi là “bàn” mà người Anh lại gọi “table”, nó hoàn toàn là võ đoán. Nhưng đối chiếu với bàn và ghế trong tiếng Việt thì “bàn” có tính chất bằng phẳng và “ghế” có tính chất gồ ghề, có cái tựa nên nó không bằng. Rõ ràng “bàn” và “ghế” trong tiếng Việt là có lí do (Lê Đức Luận, 2012, tr.39-47).

Bài viết đưa ra mười nhóm loại đánh dấu sự vật qua định danh trong tiếng Việt. Có thể có những lí do khác nữa nhưng bài viết này tôi đưa ra những nhóm đánh dấu tiêu biểu và mỗi lí do đánh dấu chỉ nêu ra một số ví dụ điển hình. Nghiên cứu cách đánh dấu sự vật trong việc định danh góp phần khám phá khả năng và đặc điểm tri nhận hiện thực khách quan của mỗi dân tộc trong ngôn ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Trung Hoa. (2010). Ấn dụ trong địa danh. *Tạp chí Hồn Việt*, 40, TP.HCM.
2. Lê Đức Luận. (2012). Phân tích nghĩa vị tiếng Việt. *Ngôn ngữ*, 3, 39-47.
3. Lê Đức Luận. (2013). Tâm thức văn hóa Việt trong Bánh chưng bánh dày. *Tạp chí Nhật Lệ*, 2 (16), Quảng Bình.
4. Lê Đức Luận. (2015). Đặc điểm địa danh sông nước các tỉnh Nam Kỳ dưới thời Nguyễn. *Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn*, 3, 5-13.
5. Hoàng Phê. (chủ biên-2005). *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng: Nhà xuất bản Đà Nẵng.
6. Nguyễn Đức Tồn. (1997). Từ đặc trưng dân tộc của định danh nhìn nhận lại nguyên lý võ đoán của kí hiệu ngôn ngữ. *Ngôn ngữ*, 4, 1-9.
7. Nguyễn Đức Tồn. (2008). *Đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.